

Số: 16/2024/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 24**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ
phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng
8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều
của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định
của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số
106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa
đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11
năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm
quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung
ương;

Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và
Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Xét Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ
thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm
tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp lệ phí: Những người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.

b) Cơ quan thu lệ phí: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý lệ phí hộ tịch.

Điều 2. Các trường hợp miễn lệ phí

1. Đăng ký hộ tịch cho trẻ em, người cao tuổi, trừ trường hợp có yếu tố nước ngoài.

2. Đăng ký hộ tịch cho người có công với cách mạng, người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ, đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

Điều 3. Mức thu lệ phí

1. Mức thu lệ phí

STT	Nội dung	Mức thu (đồng/trường hợp)
a) Mức thu lệ phí áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã		
-	Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	8.000
-	Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử	8.000
-	Đăng ký lại kết hôn	30.000
-	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	15.000
-	Bổ sung hộ tịch	15.000

-	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	15.000
-	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác, đăng ký hộ tịch khác	8.000
b) Mức thu lệ phí áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện		
-	Đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	75.000
-	Đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử	75.000
-	Đăng ký kết hôn, đăng ký lại kết hôn	1.500.000
-	Đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ	75.000
-	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.500.000
-	Thay đổi, cải chính hộ tịch; bổ sung hộ tịch; xác định lại dân tộc	28.000
-	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, đăng ký hộ tịch khác	75.000
c) Đối với Ủy ban nhân dân huyện Lý Sơn, khi thực hiện các việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã thì áp dụng mức thu lệ phí theo quy định tại điểm a Khoản này.		

Mức thu lệ phí nêu trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí mua Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch.

2. Mức thu lệ phí hộ tịch khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại khoản 1 Điều này. Mức thu lệ phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

Điều 4. Kê khai, thu, nộp, quản lý lệ phí

1. Người nộp lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo từng lần phát sinh. Người nộp lệ phí thực hiện nộp lệ phí bằng một trong các hình thức sau:

a) Nộp lệ phí theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu lệ phí của cơ quan thu lệ phí mở tại tổ chức tín dụng;

b) Nộp lệ phí qua tài khoản của cơ quan, tổ chức nhận tiền khác với cơ quan thu lệ phí (áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính). Trong thời hạn 24 giờ tính từ thời điểm nhận được tiền lệ phí, cơ quan, tổ chức nhận tiền phải chuyển toàn bộ tiền lệ phí thu được vào tài khoản chuyên thu lệ phí của cơ quan thu lệ phí mở tại tổ chức tín dụng hoặc nộp toàn bộ tiền lệ phí thu được vào ngân

sách nhà nước;

c) Nộp lệ phí bằng tiền mặt cho cơ quan thu lệ phí.

2. Cơ quan thu lệ phí kê khai, nộp lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo tháng theo quy định của pháp luật. Định kỳ hằng tháng, cơ quan thu lệ phí phải gửi số tiền lệ phí đã thu được vào tài khoản lệ phí chờ nộp ngân sách hoặc nộp lệ phí vào tài khoản thu ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

3. Cơ quan thu lệ phí nộp 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 6 năm 2024.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTHĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT, PCnkd.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân